

TRUNG QUÁN LUẬN SỚ

QUYỂN 4, (Phần 2)

PHẨM SÁU TÌNH THỨ BA

Hỏi: “Vì sao có phẩm này?”

Đáp: “Hai mươi bảy phẩm cũng là hai mươi bảy môn, đối tượng chứng nhập lại không có khác. Vì thâm nhập chung lý thật tướng của các pháp, nêu chỉ một lý này được gọi là thật. Ngoài thật tướng này ra, đều là luống dối, nên luận Trí Độ nói: “Chỉ trừ thật tướng, ngoài ra, tất cả pháp đều gọi là ma. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là luống dối. Lại, năng sinh phiền não; phiền não sinh ra nghiệp; nghiệp sinh quả khổ, nên gọi là ma. Pháp thật tướng không thể chấp mắc, vì là chỗ diệt phiền não, nên không gọi mà.”

Hỏi: “Vì sao thật tướng không thể chấp mắc?”

Đáp: “Nếu dùng “có tâm” chấp mắc thật tướng, thì thật tướng cuối cùng “chẳng phải có”, cho nên “có tâm” không thể chấp mắc. Nếu lấy “vô tâm” chấp mắc thật tướng, thì thật tướng cuối cùng “chẳng phải không có”.

Như thế, bốn quan điểm: “vừa có”, “vừa không”, “chẳng phải có”, “chẳng phải không”, đều không thể chấp mắc, nên bất sinh phiền não. Đã bất sinh phiền não, mà còn hội nhập thật tướng, diệt được tội lỗi phiền não, nên luận nói: “Ví như rắn bám sát tất cả vật, chỉ không thể bám dính ngọn lửa. Ba-Nhã như ngọn lửa, bốn bên không thể xúc chạm, vì sẽ đốt phỏng tay. Vì thế, nên chúng sinh có thể bám víu tất cả pháp, nhưng không thể bám víu thật tướng. Thật tướng đã là chỗ để diệt phiền não, cho nên hai mươi bảy môn đều vì đi suốt qua thật tướng. Nếu thật tướng đã hiển bày, thì phát chánh quán. Nếu chánh quán đã phát, thì hí luận sẽ tiêu mất từ đây. Vì cho nên ở đầu luận nói: “Hay nói là Nhân Duyên diệt các hí luận”, là đại ý của kinh, luận của chư Phật, Bồ-tát trong ba đời, mười phương.”

Hỏi: “Nếu vậy, thì vì sao có đến hai mươi bảy môn?”

Đáp: “Long Thọ chia ra các môn, chỉ vì nhập lý, ý không ở môn. Nếu không nhận lấy lý của đối tượng nhập làm chánh, mà chỉ tìm tòi, nghiên cứu, đi suốt qua môn lý thì hoặc trước, sau; hoặc lập hay phá, người như thế, chỉ dừng lại ở ngoài cổng, không bao giờ nhập lý được. Ý của Luận chủ chỉ ở nhập lý, không ở nơi môn, trong khi con người lại chú trọng ở các môn, không quan tâm ở nhập lý, là trái nhau với luận, chẳng phải là đạo giúp đỡ của sư.

Lại, tìm xét, nghiên cứu các môn, đã không nhập lý, thì “hoặc” cũ không loại trừ, mà còn khởi phiền não mới ở xứ môn, có thể nói là uống nước cam lộ, lại trở thành thuốc độc! Chính vì thế, thành thử cũng không nên hỏi trình tự, mà phải nói trình tự.

Trên, đã y cứ bốn oai nghi động, tĩnh, để hiển bày thật tướng, sao cho chúng ta phát sinh chánh quán, dứt trừ các phiền não. Nay, dựa vào sáu căn để hiển bày thật tướng, khiến cho chúng ta phát sinh chánh quán, diệt các phiền não. Nếu ở môn trước, chúng ta đã tỏ ngộ thì không cần phẩm này, chỉ vì căn tánh chúng sinh không đồng, được ngộ đều khác nhau, vì trải khắp các pháp để quán sát, cho nên nói lại.”

Hỏi: “Vì sao dựa vào thân, tâm này để làm sáng tỏ thật tướng, phát sinh quán, dứt trừ “hoặc”?”

Đáp: “Tất cả phạm phu đối với thân, tâm này, thường khởi phiền não ái, kiến. Vì phiền não, nên có nghiệp, vì nghiệp nên phải cam chịu báo khổ. Nay, quán sát thân này xưa nay vắng lặng, tức là thật tướng. Đã là thật tướng, tức là pháp thân, nên kinh Tịnh Danh nói: “Quán thật tướng của thân, quán Phật cũng thế.”, bởi vì là ý chung của một luận.

Kế là, sẽ nói riêng về sáu tình (sáu căn) kế là phẩm khứ lai, phẩm Nhân Duyên giải thích bắt đầu của “tám không”; phẩm khứ lai giải thích sau cùng của “tám không”. Đầu cuối đã rõ, thì tất cả pháp rốt ráo, không thể được. Người ngoài không tiếp thọ chỉ thú này:

1) “Nếu tất cả pháp rốt ráo “không”, thì kinh nói mười hai nhập gồm thấu tất cả pháp, sao lại nói tất cả pháp “không”? Nếu tất cả pháp “không” thì không nên nói mười hai nhập. Vì thế, nên hai phẩm trên phá chung tất cả pháp. Nay, đối với Luận chủ, lập chung tất cả pháp nên nói phẩm này.

2) Tiếp nhận kế là móc xích sinh nhau ở phẩm trên, đầu tiên, người ngoài nêu mắt thế gian thấy ba thời có “đi”: Quá khứ “đã đi”; vị lai “sẽ đi”; hiện tại “đang đi”. Luận chủ liền y cứ ba đời, tra xét không có “đi”: Quá khứ đã dứt, pháp “đi” đã diệt, tức không có “đi”; vị lai “chưa có”, cũng không có “đi”. Hiện tại, một niệm không dừng, đưa

chân lên là diệt mất, cũng không có “đi”.

Người mê hoặc hỏi:

“Nếu ba đời “không” đi, thì mắt không nên thấy? Đã có mắt thấy, thì không nên vô.

“Luận chủ lại dùng ba môn tìm đối tượng mắt thấy, cuối cùng không thể được, làm sao được thấy ư?”. Người ngoài lại nói: “Nếu không có đối tượng thấy, thì “đến”, “đi” lẽ ra không có mắt, năng thấy? Đã có mắt, năng thấy, đâu không có đối tượng thấy “đi”, “đến”,. Do đó, nên phẩm này quán không có mắt, năng thấy, tức nhập thật tướng, tương ứng với thật tướng. Đã tương ứng với thật tướng, tức không tiếp nhận sáu căn này. Vì không tiếp nhận sáu căn, nên gọi là pháp thân. Vì chúng sinh nên Phật, Bồ-tát hoá sinh, trong năm đường, giảng nói pháp môn này, khiến chúng sinh được liễu ngộ, cũng được pháp thân. Đó là lý do kể là phẩm khư lai quán về sáu tình.”

Hỏi: “Sao gọi là nhãn tình (nhãn căn)?”

Đáp: “Chấp nhãn tình, gồm có bảy thứ:

1) “Phái thế tục chỉ nói rằng, mắt có thể thấy sắc, mà không có khả năng cứu xét cùng tận nguyên do gốc, ngọn.”

2) Người ngoại đạo nói: “Năm trần sinh năm đại; năm đại hình thành năm căn. Chỉ vì hoả đại trong mắt nghiêng về phần nhiều, nên mắt có khả năng thấy sắc. Không đại trong tai nghiêng về nhiều, nên tai năng nghe tiếng. Địa đại trong tỷ căn nghiêng về nhiều, nên mũi có thể ngửi mùi hương. Thỷ đại của thiệt căn nghiêng về nhiều, nên lưỡi có thể nếm biết mùi vị. Phong đại của thân căn nghiêng về phần nhiều, nên thân có thể giác xúc. Ý căn đã là tâm thức, chẳng phải được hình thành bởi năm đại. Nếu là quả tim thịt thì được hình thành bởi địa đại.

3) Lại có ngoại đạo cho rằng: “Chỉ dùng một vi trần để hình thành một đại, như sắc trần hình thành hoả đại, mà vì hoả đại hình thành nhãn căn, nên mắt có khả năng thấy sắc.

Thinh trần hình thành không đại; không đại hình thành nhĩ căn, nên tai có khả năng nghe tiếng.

Vị trần hình thành thỷ đại, thủy đại hình thành thiệt căn, nên lưỡi có thể nếm biết vị.

Hương trần hình thành địa đại; địa đại hình thành tỷ căn, nên mũi có thể ngửi mùi hương.

Xúc trần hình thành phong đại; phong đại hình thành thân căn, nên thân lại giác xúc chạm.”

4) Người của Tỳ-đàm nói: “Bốn căn: mắt, tai, mũi, lưỡi là do mười

cực vi cùng hình thành chung: đất, nước, lửa, gió, sắc, hương, vị, xúc và nhãn căn là chín, mà vì nhãn căn bám sát thân căn, nên có mười cực vi; thân căn chỉ có chín cực vi; không có bốn căn mắt v.v..., nên luận có kệ rằng: “Cực vi ở mười thứ bốn căn, nên phải biết rằng, thân căn chín, còn lại là tám, nghĩa là ở địa có mùi hương.”

5) Luận Thành Thật nói: “Bốn cực vi hình thành bốn đại; bốn đại hình thành năm căn; năm căn là giả gọi, không có thật thể.

Y cứ ba giả để nói: Bốn cực vi là pháp giả; năm căn là thọ giả; chúng sinh là danh giả.”

6) Độc Tử bộ nói: “Bốn đại hoà hợp thành mắt, riêng có thể của mắt là khác với bốn đại.”

Từ trước đến đây, sáu bộ đều nói là có mắt.

7) Người đạo Phương Quảng nói: “Chỉ thấy bốn đại, “không” mắt riêng, chung. Mắt chung đã “không”, cũng “không” bốn đại, nên tất cả pháp đều không, như lông rùa, sừng thỏ.”

Hỏi: “Làm sao Luận chủ phá các chấp này?”

Đáp: “Vì hễ có nhãn căn này, nhìn thấy sắc đẹp, liền khởi tâm tham, nếu thấy sắc xấu, thì sinh giận dữ; thấy sắc không đẹp, không xấu, thì sinh vô minh. Do ba phiền não, mà phát sinh ba nghiệp. Nhân Duyên của ba nghiệp qua lại trong sáu cõi. Gồm sáu bộ trên đối với mắt, khởi chấp “có”. Phương Quảng Đối với mắt, khởi chấp “không”. “Có”, “không” là căn bản của sáu mươi hai kiến. “Có”, “không” đã trở thành các chấp, tức là lập: Nếu có các chấp thì sẽ có ái, kiến, phiền não ái, kiến không được giải thoát.

Nay, phá hai chấp “có”, “không” này, tức ái, kiến sẽ bất sinh, tức được giải thoát.”

Hỏi: “Phá thế nào?”

Đáp: “Quán sát nhãn căn này xưa nay vắng lặng, nên không đồng với cái “có” của sáu nhà. Dù rất ráo “không”, nhưng mắt thấy rõ ràng, nên khác với “không” của Phương Quảng. Cho nên, kinh Tịnh Danh nói: “Có Phật, Thế Tôn được chân thiên nhãn, đều thấy các pháp không do nghĩa của hai tướng.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhãn căn nhập tam-muội; nhĩ căn khởi chánh thọ. Quán sát mắt vô sinh, không có tự tánh, nên nói là “không”, vắng lặng không có cái có.

Vẫn như thế v.v.. đều nói nhãn căn rõ ràng mà không có đối tượng thấy. Dù không có đối tượng thấy, nhưng không có đối tượng mà không thấy, nên “không”, “hữu” vô ngại. “Không”, “hữu” đã vô ngại, thì một

căn làm thành sáu công dụng; sáu căn thành một công dụng. Công dụng có thể là không có công dụng. Không có công dụng mà có thể sử dụng, vì công dụng không có ngăn ngại, cho nên, chỉ có Đức Phật được xưng là ‘ngã’, ‘ngã’: là nghĩa tự tại.”

Lại, vì phá song song hai bệnh của phàm phu, Nhị thừa, nên nói phẩm này:

Phàm phu thấy có sáu căn này, khởi các phiền não, như chim sa lưới.

Nhị thừa “có” sáu căn, tức không thể “không” sáu. Nếu nhập quán “không” sáu căn, tức không thể làm sáu dụng. Như Tinh Danh quả A Na Luật rằng: “Nếu mắt tạo thành tướng thì đồng với ngoại đạo; nếu không tác tướng, tức là vô vi, không nên có thấy, nên mất đối, đương thời, chịu khuất phục hai vấn nạn. Nay, nói:

Bồ-tát hiểu rõ “không có” sáu, không có tướng ngăn ngại, tức vì vượt qua thánh, phàm, nên nói phẩm này.

Lại, nói về phẩm này: “Pháp Hoa nói sáu căn thanh tịnh. Kinh Phổ Hiền quán, sám tội của sáu căn. Kinh ấy nói: “Nếu có nghiệp ác của nhãn căn, thì sẽ chướng ngại không thanh tịnh, phải tụng kinh Đại thừa, suy nghĩ đệ nhất nghĩa, đây gọi là sám hối mắt, có công năng dứt trừ hết các nghiệp ác”. Nên biết, muốn được sám hối chân thật, thì phải dựa vào phẩm này, quán sáu căn rốt ráo “không”.”

Kinh Đại Tập chép: “Hoặc có thuyết nói: “Mắt thấy sắc, cho đến ý có thể biết các pháp, người này lưu chuyển vô lượng ức kiếp trong sinh tử, cam chịu các khổ. Các Đại thừa như thế, chính là dùng quán sáu căn làm cốt yếu nhập đạo.”. Cho nên, phẩm này nói chung và giải thích.

Lại, sở dĩ có phẩm này là vì từ phẩm Nhân Duyên đến phẩm này có ba lập, ba phá.

Đầu tiên, dẫn luận Tỳ-đàm để lập. Tiếp theo, dẫn sự “đến” “đi” để lập. Nay, dẫn kinh để lập. Vì phá đủ ba lập, nên có ba phá.

Lại, sở dĩ có phẩm này là vì hai phẩm trên đã tìm kiếp sinh, diệt, đi, đến, cuối cùng không thể được. Người ngoài bèn cho rằng: “Luận chủ có thể thấy các pháp không có sinh, diệt, đi, đến”, nên trên nói: “Vì thế gian mắt thấy v.v...”

Nếu vậy, sau cùng, mắt có khả năng thấy, cảnh, bị thấy cho nên, nay nói: “Đã không có sinh diệt, đến, đi, há có chủ thể thấy, đối tượng thấy? Tức trước phá sinh diệt, nay dứt trí, cảnh, nên có phẩm này. Phẩm có tám bài kệ, được chia làm hai: Kệ đầu, lập. Bảy kệ tiếp theo là,

phá.

Trong lập, trước là văn xuôi hỏi: Sở dĩ dẫn kinh, là vì, đã là kinh nói thì tất nhiên có sáu tình. Nếu “không” sáu tình thì Phật không nên nói “có”? Lại, nếu Luận chủ nói “không” sáu thì hoá ra phá kinh Phật? Nếu không phá kinh Phật thì sáu tình là “có”? Đã có sáu tình, thì sự “đến”, “đi” của Nhân Duyên ở trên há là “không” ư? Lại, phẩm trên đã nói: “Cái mà mắt thịt nhìn thấy không đáng tin.” Phật không nên nói. Đã có sáu tình, thì sáu tình đáng tin, kệ được chia làm hai:

Nửa bài kệ trên, nêu thể của sáu tình.

Nửa bài kệ dưới, nói dụng của sáu tình.

“Hành” là “duyên”, sáu tình “duyên” sáu trần.

Lại, nửa bài kệ trên, nói về sáu tình. Nửa bài kệ dưới, nói sáu trần.

Sở dĩ phá mười hai nhập, là vì các việc phân chiA-tỳ-đàm, Bà-la-môn hỏi Phật:

“Pháp nào gồm thâu tất cả pháp?”. Phật đáp:

“Mười hai nhập gồm thâu tất cả pháp.”

Nay, quán mười hai nhập “không”, thì tất cả pháp không thể được. Ý hỏi có thể là tình, năm căn còn lại vì sao là tình?”

Đáp: “đương thể của ý gọi là tình, năm căn còn lại sinh ra quả của tình thức, từ quả được nhận lấy tên. Sau tình cũng gọi sáu căn. Năm căn, năng sinh năm thức; ý căn, năng sinh ra ý thức. Sáu tình cũng gọi sáu y, là chỗ nương của sáu thức. Sáu trần, cũng gọi là sáu suy, làm cho việc thiện suy yếu, tiêu diệt, cũng gọi sáu dục, là sự ham muốn của con người, chỉ giải thích về nghĩa thấy không đồng. Ngoại đạo cho “thần ngã” có thể thấy. Độc Tử nói “ngã”, là năng thấy. Người của Luận cho rằng vì thức dựa vào nhãn căn nên thức là năng thấy. Dù dùng thức để thấy, nhưng phải có con người ngự trị. Nhưng dùng thức để thấy, vốn là nghĩa của người Đam-Ma-Đa-La. Người Tỳ-Đàm cho là do căn có thể thấy, nên nhãn căn là sắc thanh tịnh, có thể thấy pháp bên ngoài sắc. Dù dùng căn để thấy, nhưng phải có thức ở trong căn, căn mới thấy được. Nếu không có thức, “không” thì căn không thấy, nên dùng thức, mới rõ biết được.”

Người bộ khác nói: “Tâm sở tuệ là năng thấy.”

Lại, có người nói: “Các tâm sở hoà hợp, có thể trông thấy?”

Đáp: “Không có!”

Phần thứ hai, Luận chủ phá. Y cứ văn, chia làm hai:

1) Văn xuôi nêu “không”

2) Kế là, bản kệ giải thích “không”

Hỏi: “Người ngoài dẫn kinh nói có sáu tình, Luận chủ nói “không”, há chẳng phải phá kinh Phật ư?”

Đáp: “Nhưng, người ngoài chấp “ngã” và sáu tình đều cùng là vọng, nghĩa là Phật muốn mượn sáu vọng để ngăn cấm vọng của “ngã”. Phái chấp giáo bèn nói thật có sáu tình, nên không hiểu ý Phật. Lại, Phật nói sáu tình là vọng, với ý muốn nói sáu là không, mà người ngoài lại cho rằng “có” vọng, nên họ cũng không nhận thức được ý Phật. Vả lại, ý Phật nói sáu là thế đế. Theo ý của Như lai, vì muốn cho chúng sinh tỏ ngộ đệ nhất nghĩa, nên mới nói thế đế, mà người Tiểu Thừa lại nói là thật có sáu, không biết đệ nhất nghĩa.

Nay, ý nói “không” sáu là nhằm trình bày ý nói sáu của Phật, nên kinh Niết-bàn nói: “Vì muốn cho chúng sinh nhận thức sâu sắc về đệ nhất nghĩa, nên nói thế đế. Nếu chúng sinh không nhờ thế đế mà nhập đệ nhất nghĩa, thì Chư Phật không bao giờ nói thế đế.”

Phật nói sáu: Đây là nói về nghĩa sáu của không sáu. Vì muốn cho chúng sinh nhân sáu tỏ ngộ không sáu, mà người ngoài cho là nhất định tình bèn thành sáu, nên có sáu, chẳng phải chỉ không biết sáu của không sáu, cũng không hay tỏ ngộ không sáu của sáu, nên người ngoài nói là phá kinh. Luận chủ nói sáu của không là sáu, tức là trình bày về thế đế, nói nhờ sáu mà tỏ ngộ không sáu, chính là trình bày đệ nhất nghĩa đế. Đã chỉ bày hai đế, tức phát sinh hai trí. Lại, Đức Phật nói sáu này là muốn cho chúng sinh tỏ ngộ “không sáu”, tức đối với sáu không (dấy lên) các phiền não, mà người ngoài từ vô thỉ đến nay, đã có sáu căn này dấy lên các phiền não, trong khi phái vâng mạng giáo của Phật lại đi tìm tòi, bác bỏ, tranh cãi về sáu căn, do đó, nên “hoặc” không dứt trừ, mà bệnh mới lại khởi lên, gọi là phá Phật. Nói của Luận chủ vì trái nhau với quan niệm của nhóm người này, nên gọi là chỉ bày giáo.”

Hỏi: “Luận về nói pháp không lia hai đế. Nay, nói “không”, thì sáu sẽ dựa vào đế nào ư?”

Đáp: “Trong hai đế đều không có sáu này. Trong văn của thế đế không có tánh thật sáu; trong đệ nhất nghĩa không có giả sáu, nên nói rằng “không”.

Bản kệ tức là giải thích văn xuôi, luận rộng có bốn câu:

- 1) Kệ giải thích kệ.
- 2) Văn xuôi giải thích kệ.
- 3) Văn xuôi giải thích văn xuôi.
- 4) Kệ giải thích văn xuôi.

Kệ thứ hai mươi bảy phá, được chia làm hai:

Đầu tiên, có sáu kệ, chính là phá nhãn tình.

Kế là, có một kệ so sánh quán năm tình còn lại.

Sáu kệ tức chia làm sáu:

- 1) Kệ chính thức phá.
- 2) Chỉ ra cách phá trước.
- 3) Lại phá.
- 4) Vì “pháp” là “không”, nên “người” “không”.
- 5) Vì “người” “không”, nên “pháp” “không”.
- 6) Kệ vì “người” không có, nên “quả” “không”.

- Nay, kết thúc sáu kệ này làm hai:

- 1) Năm kệ đầu chính là phá chấp nghĩa của nhân.
- 2) Một bài kệ phá chấp quả sở sinh.

- Y cứ trong năm kệ, lại chia làm ba loại:

- 1) Ba kệ đầu, phá mắt thấy.
- 2) Nửa bài kệ phá sắc thấy.
- 3) Một hàng rưỡi, phá người thấy.

- Ba kệ tức 3:

1) Một bài kệ nêu mắt không tự thấy, so sánh phá thấy người khác.

2) Kệ thứ hai, môn ba thời phá thấy người khác.

3) Kệ thứ ba, y cứ nghĩa đối sắc để phá mắt thấy người khác.

Nay, là nêu mắt không tự thấy để phá thấy người khác.

Hỏi: “Trên, có năm nhà lập thấy. Nay, phá người nào?”

Đáp: “Phá khắp tất cả, bởi lẽ tất cả luận sư đều mắt không tự thấy mà thấy được vật khác, nên không tự thấy, để so sánh phá thấy người khác, tức phá khắp tất cả. Ý phá rằng:

“Tự thể của ông là mắt, lẽ ra thấy tự thể. Nếu không thấy tự thể, tức tự thể chẳng phải mắt. Lại, nếu chẳng phải thấy mà là mắt thì tức là thấy chẳng phải mắt. Nếu vậy, thì lẽ ra có mắt lìa thấy, lẽ ra cũng nói rằng cái thấy lìa mắt.

Lại, vấn nạn này, Tỳ-đàm rất gần, kia nói: Căn là sắc. Đã có thể thấy người khác, thì lẽ ra cũng tự thấy. Người Tỳ-đàm kia bào chữa: “Nhãn căn không thể thấy sắc có đối, cho nên không thể thấy. Nay phá rằng:

“Thể của mắt đã không bị người khác trông thấy, thì làm sao có thể thấy người khác? Như Bách Luận nói: “Bốn đại chẳng phải là đối tượng mắt thấy thì làm sao sinh ra mắt thấy?”

Kế là, vấn nạn thức thấy: “Thức có thể thấy người khác, thì thức lẽ ra có thể tự thấy? Nếu nói thức chẳng phải là pháp là có thể thấy, thì làm sao có thể tự thấy? Nếu vậy, chẳng phải là pháp có thể thấy thì làm sao có thể thấy người khác.

Phá người thấy, cũng đồng với thức thấy.

Lại, vấn nạn chung: mắt các sư không tự thấy, mà có thể thấy người khác: Đây tức là một nửa thấy, một nửa không thấy, lẽ ra một nửa là mắt, một nửa không là mắt. Nếu từ thấy một nửa tạo ra tên, gọi là thấy, gọi là mắt, thì lẽ ra cũng từ một nửa không thấy tạo ra tên, gọi là không thấy, gọi là không mắt. Vì sao? Vì tự tức là gần, tha tức là xa. Đã từ thấy xa, gọi là thấy, thì từ không thấy gần, lẽ ra gọi không thấy.

Lại, người Số luận nói mắt mười cực vi, mà có riêng cực vi của mắt. Phá rằng:

Mắt được tạo thành bởi các duyên, không có tự tánh, sao lại nói thật có mắt không tự thấy mà thấy được người khác.

Luận Thành Thật: “Mắt là giả danh không có tự tánh. Nếu không có tự tánh, tức là vắng lặng, sao lại chấp mắt nhất định có thể thấy ư?”

Hỏi: “Dù mắt không tự thấy, nghĩa là ý bào chữa rằng: “Chủ thể, đối tượng của đèn đều là sắc nhập, nên tự soi, lại soi cái khác. Mắt, chủ thể thấy là nhãn nhập; đối tượng thấy là sắc nhập, cho nên thấy người khác, không tự thấy.” Đây là lời bào chữa của người Tỳ-đàm.

Theo cách bào chữa của người Luận: “Chủ thể thấy của mắt là thức; đối tượng thấy là sắc, nên có thể thấy vật khác mà không tự thấy.

Độc Tử và ngoại đạo đồng nói: “Con người là chủ thể thấy, sắc là đối tượng thấy, đồng nói con người không thể thấy, sắc có thể thấy, cho nên chỉ thấy người khác, không tự thấy.

Dẫn lửa: “Dựa theo người Số, chủ thể đốt cháy là xúc chạm, đối tượng đốt cháy đủ bốn cực vi, nên lửa không thể tự đốt mà năng đốt cháy vật khác.”

Luận Trí Độ cũng nói: “Sắc có công năng soi chiếu, sự xúc chạm có công năng đốt cháy, rất đồng với người Số luận.”

Trong phần đáp được chia làm hai:

Nửa bài kệ trên, nói về lửa không thể thành pháp thấy. Vì sao? Vì mắt tức nhìn từ xa, còn lửa thì phải tiếp xúc với củi mới đốt cháy, do đó, ông không nên nêu hợp mà bào chữa lia!”. Lại nói: “Xét nghĩa này của ông, đáng lý là tự đốt cháy, chứ không đốt cháy cái khác; tự thấy, chứ không thấy vật thể khác. Vì sao lửa đốt củi, củi đối với lửa là

tự, cho nên có thể đốt cháy củi? Nếu là vật thể khác thì vì sao không đốt cháy củi khác ư? Đồng là vật thể khác đồng thích ứng với đốt. Nếu không như vậy, sự ngang đồng lẽ ra không đốt cháy, mà đốt cháy củi bị đốt, không đốt cháy củi khác, tức củi bị đốt cháy chẳng phải là vật thể khác, tức là nghĩa tự đốt. Nghĩa thấy cũng như vậy. Mắt thấy sắc, đối với mắt, sắc là tự, nên mắt có thể thấy sắc. Nếu là vật thể khác, thì không thể thấy. Nếu nói là vật thể khác mà có thể thấy, thì vì sao mắt không thấy sắc “chẳng phải thấy” ư?, mà không thấy sắc “chẳng phải thấy”, chỉ thấy đối với sắc thấy. Phải biết rằng, sắc đối với mắt là tự, nên thấy; đối với vật thể khác thì không thấy. Đây chính là thấy mình, không thấy vật thể khác, sao gọi thấy tha, không thấy tự?

Lại, dụ lửa không thể thành pháp thấy của mắt, nghĩa là lia mắt có sắc, lia mắt không có lửa, vì thế, không nên nêu không lia để bào chữa cho nghĩa lia. Như Bách Luận nói: “Lia đất sét không có bình, mà vì mắt khác với sắc.”

Nửa bài kệ dưới, là giải thích không thể thành.

Nêu môn ba thời để phá:

1) Vì muốn ngăn ngừa cách bào chữa về sau, nên Luận chủ dẫn thí dụ đèn để làm nghĩa đồng đều. Người ngoài nêu lửa để bào chữa. Nay, đã phá lửa xong. Hoặc có thể lại dẫn thí dụ dao để chỉ cho đối với chính mình không có khả năng, đối với người khác có công dụng, nên nêu môn Ba thời để phá khắp tất cả, đối với tự không có khả năng, đối với tha có khả năng.

2) Vì muốn cho người ngoài nhờ môn quán trước, để được thông suốt về sau, cho nên, chỉ ra trước mà phá sau.

3) Trên là đoạt mà không tự thấy, tức không thấy người khác. Nay, vì giả sử thấy người khác, nên chia ra ba thời gian để trách cứ, tức trước đoạt lấy, sau buông thả ra. “Lại nữa, nếu thấy lúc chưa thấy v.v... trở xuống, là dựa vào kệ để đếm, thì đây là phá lớp thứ ba.

Lại phá, nghĩa là ba song (cặp) trên đã chu toàn:

1) Kệ đầu nêu tự, phá tha; Kệ tiếp theo là, chính thức đang phá tha, tức 1 cặp tự, tha.

2) Kệ đầu, y cứ pháp thuyết để phá; kệ tiếp theo là, là dụ thuyết để phá, nghĩa là một cặp pháp, thí.

3) Kệ đầu, chính thức phá; kệ tiếp tiếp là, chỉ ra trước để phá, tức ba vòng phá đã xong, nay lại phá nữa, nên gọi lại phá.

Căn cứ ba nghĩa để phá mắt thấy:

1) Kệ đầu nêu không tự thấy, so sánh phá thấy vật khác.

Nêu môn ba thời, chính là phá thấy tha. Hai nghĩa này là y cứ mắt để phá mắt.

Nay, phần thức ba, y cứ sắc để phá mắt thấy: Mắt chưa đối với sắc, không gọi là thấy, nhân đối với sắc, mới được gọi là thấy, tức nghĩa thấy là ở sắc, không ở mắt.

2) Rằng: Mắt tức là thấy, thấy tức là mắt. Đã thấy, chưa thấy, thường gọi là mắt, tức lẽ ra đang thấy, chưa thấy, thường gọi là thấy? Nay, có lúc thấy, có lúc không thấy, tức có khi là mắt, có khi là chẳng phải mắt.

3) Nếu thấy, chưa thấy, thường là mắt, thì lẽ ra cũng là mắt, chưa phải mắt thường thấy?

4) Vấn nạn: “Nếu mắt là thấy, tức là mắt có lúc thấy, không thấy, thì lẽ ra cũng thấy là mắt thấy, bèn có lúc là mắt, lúc không là mắt. Nếu không có thấy mà chẳng phải mắt, thì lẽ ra cũng không có mắt mà chẳng phải thấy.”

5) Vấn nạn: “Nếu mắt có khi thấy, có khi không thấy, thì biết mắt chưa hẳn là nghĩa thấy. Ông không nên nói mắt nhất định là nghĩa thấy!”

6) Phẩm Điền Đảo nói: “Sắc v.v.. khi chưa hoà hợp với tâm, thì là không, chẳng có chi cả. Như sắc lúc chưa hợp với mắt, thì “không” sắc. Đã “không” sắc, cũng “không” mắt, chưa hợp, đã rớt ráo “không”, thì làm sao đem cái “không” có thể làm cho “có”? Lại, đâu được lúc Nhân Duyên chưa hợp, thì “không”, chỉ khi Nhân Duyên kết hợp cũng “không”, như mắt nhờ sắc nên có thấy, thì cái thấy đó đương nhiên thuộc về sắc. Vì sắc nhân mắt, nên có thể thấy, thì “có thể thấy” đó là thuộc về mắt. Nếu vậy, thì đâu được nói thấy chỉ thuộc về mắt, có thể thấy thuộc về sắc? “Cái thấy” đã không thuộc về mắt, đâu lại thuộc về sắc có thể thấy đã không thuộc sắc, làm sao lại thuộc về mắt? Nên biết mắt, sắc không có tự tánh. Vì không có tự tánh cho nên “không”. Cho nên Hoa Nghiêm nói: “Quán mắt vô sinh, không có tự tánh, nói “không”, vắng lặng, không có sở hữu.”

7) Dựa vào vấn nạn: “Mắt đã là nghĩa thấy, khi chưa đối với sắc, thì năng thấy, có thể gọi là thấy. Lúc chưa đối với sắc, rớt ráo không thấy, sau khi đối với sắc, làm sao được thấy?”

Vấn Luận Thành Thật nói: “Đồng tánh không dựa vào thời gian là mắt mà không thấy. Đồng tánh, nghĩa là mắt thấy và mắt khi thấy, mắt đồng là tánh mắt. Khi thức chưa nương tựa, thì mắt không thấy. Nếu vậy, thì vì thức nương tựa nên thấy, không nương tựa tức không thấy, tức

là cái “thấy” không có tự thể. Lại, mắt là nghĩa thấy, không thấy cũng gọi mắt; sắc nghĩa là ngăn ngại, không ngăn ngại, lẽ ra là sắc? Hơn nữa, cả hai chỗ đều không có pháp thấy: Dựa vào kệ là phần thứ tư, nói vì “pháp” không có, nên “nhân” không.

Y cứ vào nghĩa để phá: Ba môn trên đã phá mắt không có nghĩa thấy rồi. Nay, phần thứ tư, là phá sắc không có nghĩa thấy:

Sở dĩ phá sắc không có thấy, là vì nhân kệ thứ ba sinh:

Trên đã nói: “Đối với sắc mới thấy, không đối với sắc thì không thấy”; tức nghĩa thấy là ở sắc, chứ không ở mắt. E rằng, người ngoài lại nói: “Sắc lẽ ra có thấy”, nên tiếp theo là, phá sắc không có thấy. Nay, lại vượt lên trên ý kệ trước, người khác hỏi:

“Lúc không có mắt, thì không thể thấy, sao lại nói thuộc về sắc?”

Đáp: “Lúc không có sắc, thì mắt không thấy, đối với sắc mới thấy, tức là nói mắt thấy, chứ sắc không thấy. Lẽ ra cũng nay, sắc đối với mắt mới thấy, lẽ ra là sắc thấy, mắt không thấy? Lại, mắt đối với sắc mà nói rằng: “Mắt thấy sắc”, thì lẽ ra cũng sắc đối với mắt, sắc thấy mắt?”

Người khác bào chữa rằng:

“Dù rằng mắt và sắc nhân với nhau, nhưng từ chỗ vượt trội hơn mà nên được tên gọi. Chẳng hạn như nhân nước, đất mà mầm được sinh và gọi mầm lúa, không gọi mầm nào khác.”. Nay, trách:

“Nếu không có đất, nước, thì mầm của ông sau cùng không nảy sinh. Vậy thì sao từ sự vượt trội hơn mà được gọi tên ư?”

Hai chỗ đều không thấy, có ba nghĩa:

1) Chỗ mắt, 2) chỗ sắc. Cả hai chỗ đều không có thấy. Mắt là năng thấy mà còn không thấy, hướng chi thể của sắc chẳng phải thấy, thì làm sao thấy được?

2) Chỗ thấy, không phải chỗ thấy. Trên đã trách thấy thành “chẳng phải thấy”, e rằng người ngoài nói rằng: “Thấy” không thể thấy, tức “chẳng phải thấy” lẽ ra có thể thấy, nên Luận chủ gọi “chẳng phải thấy” cũng không thấy. Đồng với “duyên” trước còn bất sinh, hướng chi “chẳng phải duyên” ư?”

3) Là chỗ mắt, chỗ người. Trên đã trách mắt không thể thấy, Luận chủ sợ người ngoài sẽ nói: “Chỉ một mình mắt không thể thấy, nhưng nếu cần con người chế ngự, tất nhiên mắt mới được thấy”, nên nói con người cũng không thấy. Nếu con người có thể thấy, thì mù cũng có người, lẽ ra có thể trông thấy.

Nửa bài kệ trên, nói “pháp” là “không”. Nửa bài kệ dưới, nói

“nhân” “không”.

“Thấy” không thể “có” thấy, là chỉ định ba kệ ở đầu phẩm để phá. “Chẳng phải thấy” cũng không thấy, tức kệ này trực tiếp nói “chẳng phải”: Đã gọi “chẳng phải” thấy, thì làm sao có thể thấy?

Nửa bài kệ dưới, là nói “nhân” là “không”, tức là nghĩa phá người thấy thứ ba.

Trên, phá Tỳ-đàm về “Nghĩa mắt thấy”. Nay, phá ngoại đạo Độc Tử và nghĩa nhờ người mà thấy của luận Thành Thật.

Hỏi: “Thế nào là vì pháp “không”, nên “nhân” cũng “không”?”

Đáp: “Mắt đã không thể thấy, tức biết được người cũng không thể thấy, nên là vì “pháp” “không”, thành ra “nhân” “không”. Nếu nói “người” thấy, thì mù cũng có người, sao không dùng tai để thấy ư?”

Phá Luận Thành Thật rằng: “Thức đã có thể thấy, thức đã nương vào tai, sao không thể thấy? Nếu phải dùng mắt mới thấy, không dùng mắt không thấy, thì đây là do mắt thấy, chứ đâu có liên quan đến “người” thấy?

Phá thức cũng vậy, thức chủ yếu dựa vào mắt mới thấy, dựa vào cái khác thì không thấy, tức là mắt thấy, nào quan hệ gì đến thức thấy?

Văn xuôi ở trước đã giải thích nửa bài kệ trên. Kế là giải thích nửa bài kệ dưới. Giải thích nửa bài kệ dưới, được chia làm ba:

Đầu tiên, là nhắc lại “vì lý do gì?” là giải thích. Có hai vấn nạn tiến, lùi. Trước là nói về người thấy, tức người mù lẽ ra thấy. Kế là, nói mắt thấy, thì “người” sẽ rơi vào mù. Sau, nêu kệ, để kết, rất dễ hiểu. Hơn nữa, lìa thấy, không lìa thấy, đều dựa vào kệ, là phần thứ năm nói “nhân” “không”, nên “pháp” “không”.

Nếu phá ba thứ nghĩa thấy thì cũng thuộc về phá nghĩa người thấy thứ ba. Kệ được chia làm hai:

Nửa bài kệ trên, nói về “nhân” “không”; nửa. Kệ dưới, nói về pháp “không”.

Nửa bài kệ trên, là nêu lìa, không lìa để giải thích kệ trước; nửa bài kệ dưới, giải thích vì “pháp” “không”, nên “nhân” “không”.

Nếu lìa thấy có người thấy, thì người mù lẽ ra có thể thấy, mà mù không thể thấy, tức là lìa thấy, không có người thấy. Nếu không lìa thấy mà có người thấy, thì tức thấy ở mắt mà người thì không có thấy, tức cũng “không” người.

Nửa bài kệ dưới, là nói “pháp” là “không”, vốn do con người chế ngự mắt thấy sắc. Pháp kia đã “không” người, tức không có người để

chế ngự, thì sẽ không có mắt được chế ngự, nên không có sắc bị chấp lấy.

Văn xuôi nói: “Có”, “không”, tức là lia, không lia. “Có” là không lia. Vì có thấy, tức có người thấy; vì không có thấy có người; nên “không” là lia.

Vì thấy, “có thể thấy”, là không nghĩa là dựa vào kệ là phần thứ sáu, nói vì “nhân” không có, nên “quả” không .

Nói nhân, nghĩa là mắt, sắc hoà hợp, sinh ra nhãn thức, cho đến bốn thủ, nên mắt, sắc là nhân; thức v.v.. là quả. Nếu đối với ý phẩm, thì từ đầu phẩm, đều là phá nhân thấy xong, nghĩa là tìm ba thứ thấy

không được, tức nói không có nhân. Cho nên, nay phần thứ hai kể là, nói không có quả. Vì “thấy”, “có thể thấy” “không”, nên nêu gần để nhắc lại kệ thứ năm; nửa bài kệ dưới, là xa nhắc lại một phẩm để phá.

Bốn pháp như thức v.v.. là “không”, nghĩa là phá “không” quả. Dựa vào nghĩa của Thành Thật, thì mắt, sắc hoà hợp sinh ra nhãn thức; thức sinh ra tưởng; tưởng sinh ra thọ; thọ sinh ra hành. Theo thứ lớp, chấp cảnh giả, thật.

Trên, đã phá không có mắt thấy sắc, tức bốn tâm bất sinh.

Theo nghĩa củA-tỳ-đàm : Trên đã lấy phá không có mắt thấy sắc. Nay, kể là, phá không có bốn pháp. Bốn pháp là: Mắt, sắc, hoà hợp, sinh ra nhãn thức. Sở dĩ nhãn thức được sinh, là vì kế là, do xúc, xúc hoà hợp với căn, trần. Vì xúc hoà hợp với căn, trần, tức sinh ba thọ: khổ, lạc, xả (không khổ, vui). Kế là sau sanh ba thọ, sinh ái. Mặc dù sinh, tâm sở khác, nhưng vì “thọ” là chủ quả báo của ba cõi, nên nói nghiêng về sinh thọ. Sau ba thọ, kế là sinh ba độc. Chỉ vì ái là gốc của sự thọ sinh của ba cõi, nên nói nhưng về ái. Về phần chúng sự, chính là nói bốn pháp này, đồng với Văn xuôi hiện nay. Kinh Đại Phẩm cũng nói về Nhân Duyên của nhãn xúc sinh ra “thọ” cho đến Nhân Duyên của ý xúc sinh ra “thọ”.

Bốn thủ, Tỳ-Bà-Sa nói: “Chạy rong bốn phương tìm cầu, gọi là bốn thủ.” kinh Thắng Man dùng bốn trụ địa làm bốn thủ, nên nói rằng, bốn thủ, nghiệp nhân hữu lậu, làm “duyên” sinh trong ba cõi.”

Nay, trong đây, nói riêng về bốn thủ. Theo Tỳ-đàm, gồm thâu chung một trăm lẻ tám phiền não là thể của bốn thủ. Ba cõi có hai sử là lợi (nhạy bén) độn (chậm lụt), mỗi sử đều được chia làm hai phần: Sử chậm lụt cõi Dục, chấp lấy năm dục ngoài, gọi là dục thủ. Sử độn của hai cõi trên không chấp lấy năm dục ngoài, không gọi là dục thủ, chỉ nhận lấy pháp nội, gọi “Ngã ngữ thủ”; bốn kiến của ba cõi là Kiến thủ;

“hoặc” thủ của ba cõi, gọi là “hoặc” thủ.

Sự chậm lụt, y cứ cõi, chia làm hai: Sử nhay bén y cứ nặng, nhẹ, được chia làm hai: “Hoặc thủ” dù là một, nhưng hai người nội, ngoại chấp chẳng phải đạo là đạo. Vì lỗi này đã sâu, nên xếp riêng một thủ; bốn kiến còn lại hợp thành một thủ.

Luận Thành Thật nói về bốn thủ, thể của chúng rất cuộc hạn. Các duyên bằng nhau: Bốn thủ đã “không”, thì không khởi ba nghiệp. Vì ba nghiệp “không”, nên hai quả vị lai mất. Quán “thấy”, “có thể thấy” “không”, tức sông mười hai duyên đã cạn kiệt, nước Phật tánh sinh. Kệ này là tức nói về đại ý phá sáu tình.

“Tai, mũi, lưỡi, thân ý v.v... trở xuống, phần thứ hai, so sánh phá các pháp như năm tình v.v., là giải thích về sự ly hợp của căn, trần, có hai Luận sư thường nói: “Ba căn hợp, nghĩa là mũi, lưỡi, thân. Ba căn lìa tức mắt, tai, ý.”. Luận Thành Thật nói chung sáu căn có bốn trường hợp:

- 1) Mắt chỉ lìa không hợp
 - 2) Mũi, lưỡi, thân, chỉ hợp, không lìa.
 - 3) Tai vừa lìa, vừa hợp: nghe tiếng bên ngoài là lìa; nghe tiếng kêu trong tai là hợp.
 - 4) Ý chẳng phải lìa, chẳng phải hợp, vì vô hình.
- Nay, bài kệ này nói chung sáu tình không thể được tánh lìa, hợp tức “không”.
